TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/3/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Phương**

2. Bà **Lò Thị Ánh Ngọc**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Phan Thị Thu Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị M**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Hiện đang tạm trú tại: Số nhà 77, tổ dân phố 15, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên - Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trần Huy K**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2022 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị M và anh K kết hôn với nhau do 2 bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2008 tại UBND xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu

thuẫn căng thẳng từ 6 - 7 năm nay. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, dẫn đến thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân với nhau từ 6 - 7 năm nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Cho đến nay tình cảm của chị M đối với anh K không còn, nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- *Về con chung:* Chị M và anh K có 01 con chung là Trần Lê Hương G - sinh ngày 14/8/2009. Chị M có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G cho đến khi cháu G đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về thu nhập của chị M từ nghề thợ may bình quân mỗi tháng được khoảng 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng, hiện tại chị M có chỗ ở ổn định cho hai mẹ con, nên chị M đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G. Tại bản tự khai ngày 01/12/2022 cháu G có nguyện vọng được ở với chị M. Vì vậy, chị M không nhất trí cho anh K được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi cháu G.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:* Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2022 bị đơn anh Trần Huy K trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh K và chị M kết hôn với nhau do 2 bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2008 tại UBND xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ 6 - 7 năm nay. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, dẫn đến thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân với nhau từ 6 - 7 năm nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Tuy nhiên, cho đến nay tình cảm của anh K đối với chị M vẫn còn và vì thương con nên anh K đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ.

- *Về con chung:* Anh K và chị M có 01 con chung là Trần Lê Hương G - sinh ngày 14/8/2009. Anh K có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G cho đến khi cháu G đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh K không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:* Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Trần Huy K.

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu: Trần Lê Hương G - sinh ngày 14/8/2009 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu G thành niên và có khả năng lao động. Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản và công nợ: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* *Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm*: Đối với vi phạm của bị đơn làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của Tòa án bị kéo dài. Yêu cầu bị đơn thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lê Thị M và anh Trần Huy K thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án anh K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc xét xử nhưng cả hai lần anh K đều vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, mà Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 24/02/2023 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định mở phiên tòa vào ngày 14/3/2023, nhưng anh K vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh K tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh K là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị M cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ 6 - 7 năm nay, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau nên anh chị đã sống ly thân từ 6 - 7 năm nay (được chứng minh tại Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 01/12/2022, có xác nhận của chính quyền địa phương). Tại bản tự khai ngày 30/11/2022 anh K hoàn toàn thừa nhận mâu thuẫn phát sinh như chị M đã trình bày nhưng vì vẫn còn tình cảm với chị M và vì thương con nên anh K đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ.

Xét thấy, tại bản tự khai ngày 30/11/2022 anh K có đề nghị Tòa án hòa giải quyết cho anh chị được đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị M và vì thương con, Tòa án đã triệu tập anh K đến tham gia phiên hòa giải hai lần nhưng cả hai lần anh K đều không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh K chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, chính anh K cũng thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ 6 - 7 năm nay, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau nên anh chị đã sống ly thân từ 6 - 7 năm nay. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương (Biên bản xác minh ngày 06/02/2023, BL: 39) được biết nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của anh chị cũng như mâu thuẫn mà anh K và chị M đã trình bày. Vì vậy, không có căn cứ để

chứng minh rằng cuộc sống chung của chị M và anh K vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị M được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*) *Về con chung:* Chị M và anh K có 01 con chung là Trần Lê Hương G - sinh ngày 14/8/2009, hiện cháu G đang ở với chị M. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M và anh K đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu G và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 01/12/2022 cháu G có nguyện vọng được ở với chị M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu G đang ở với chị M kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, về thu nhập của chị M từ nghề thợ may bình quân mỗi tháng được khoảng 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng, chị M có chỗ ở ổn định cho hai mẹ con, nên chị M đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G. Mặt khác, cháu G đã trên 7 tuổi và cháu đã có bản tự khai trình bày nguyện vọng được ở với chị M, còn anh K mặc dù cũng có nguyện vọng được nuôi cháu G (thể hiện tại Bản tự khai ngày 30/11/2022), nhưng anh K không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không đến tham gia phiên tòa để trình bày quan điểm của mình về nguyện vọng nuôi con và chứng minh thu nhập, chỗ ở ổn định của mình để làm căn cứ cho Tòa án giải quyết việc giao con chung.Vì vậy, căn cứ vào những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của cháu G và căn cứ vào mức lương tối thiểu hiện nay cũng như về mặt bằng giá cả thực tế tại địa phương, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu G cần giao cháu G cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu G đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:* Trong quá trình giải quyết vụ án chị M và anh K đều khai và thừa nhận: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*) *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Trần Huy K.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Lê Hương G - sinh ngày 14/8/2009 cho chị Lê Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu G đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh K có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình chị M không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh K.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số: 0005071 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị Lê Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/3/2023). Anh Trần Huy K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Hưng, huyện ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Tuyến

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Hưng, huyện ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh An, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh An, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu VP.

Vũ Thị Tuyến